

Khoa kinh tế & Quản lý công

Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp cử nhân ngành kinh tế



Tiến sĩ Nguyễn Văn Sơn

1

Quy trình nghiên cứu

Vấn đề nghiên cứu
cơ bản

Cơ sở lý thuyết
Mô hình nghiên cứu

Thiết kế – Thực hiện
nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu
(giá trị ứng dụng)

- ❑ Vấn đề nghiên cứu cơ bản: hoàn thiện và thích nghi với môi trường sản xuất kinh doanh; các chính sách kinh tế, quản lý đầu tư...
- ❑ Có sự khác biệt so với vấn đề nghiên cứu cơ bản của ngành quản trị kinh doanh.
- ❑ Yêu cầu chọn đề tài có mục tiêu và đối tượng nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành.

2

2

Quy trình nghiên cứu

Vấn đề nghiên cứu
cơ bản

Cơ sở lý thuyết
Mô hình nghiên cứu

Thiết kế – Thực hiện
nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu
(giá trị ứng dụng)

- ❑ Mục đích chính của đề tài nghiên cứu là giải quyết các vấn đề ứng dụng thực tiễn.
 - Trường hợp nghiên cứu tại các cơ quan nhà nước.
 - Trường hợp nghiên cứu tại các doanh nghiệp.
- ❑ Phải xuất phát từ thực tiễn đó để xác định cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu cho phù hợp.

3

3



4



5

Các lĩnh vực lựa chọn đề tài

Thực tập tại các cơ quan nhà nước

1. Giải pháp chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm... của địa phương.
2. Giải pháp chiến lược phát triển ngành... của địa phương trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
3. Giải pháp chiến lược thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
4. Hoàn thiện công tác quản lý đầu tư của địa phương cho phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
5. Hoàn thiện công tác quản lý sở hữu trí tuệ của địa phương cho phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
6. Hoàn thiện công tác quản lý thuế của địa phương cho phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế...

Lưu ý, tên đề tài phải ngắn gọn, súc tích và thể hiện được rõ mục tiêu nghiên cứu cơ bản.

6

Các lĩnh vực lựa chọn đề tài

Thực tập tại các doanh nghiệp

- 1 Nghiên cứu tác động của chính sách tỷ giá hối đoái lên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp...
- 2 Nghiên cứu tác động của tình hình lạm phát lên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp...
- 3 Nghiên cứu giải pháp hội nhập WTO của doanh nghiệp...
- 4 Nghiên cứu giải pháp hội nhập AFTA của doanh nghiệp...
- 5 Nghiên cứu giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm... vào thị trường Hoa Kỳ (Nhật Bản, EU...).
- 6 Nghiên cứu giải pháp hạn chế rủi ro bị kiện bán phá giá sản phẩm... của doanh nghiệp...

Lưu ý, tên đề tài phải ngắn gọn, súc tích và thể hiện được rõ mục tiêu nghiên cứu cơ bản.

7

Phần mở đầu

- Đặt vấn đề (*lý do chọn đề tài*).
- Mục tiêu nghiên cứu.
- Phương pháp nghiên cứu.
- Giới hạn phạm vi của đề tài:
 - Đối tượng nghiên cứu.
 - Phạm vi nghiên cứu (*không gian, thời gian*).
- Bố cục trình bày chuyên đề.

8

Chương 1 (Cơ sở khoa học của đề tài)

- 1.1. Cơ sở lý thuyết (*phù hợp với đề tài*).
- 1.2. Cơ sở thực tiễn (*điều kiện vận dụng hay bài học kinh nghiệm từ các chính thể kinh tế - xã hội khác tương tự*).

(Trình bày súc tích, liều lượng vừa đủ để làm cơ sở phân tích đánh giá thực trạng trong chương 2 và đề xuất các giải pháp trong chương 3).

9

Chương 2

(Phân tích đánh giá thực trạng)

- 2.1. Giới thiệu chủ thể được nghiên cứu.
- 2.2. Phân tích thực trạng (dựa theo kết quả hoạt động kinh tế - xã hội từ 3 - 5 năm gần nhất, phù hợp với đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài).
- 2.3. Đánh giá thực trạng (chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu để làm cơ sở đề xuất giải pháp trong chương 3).

10

10

Chương 3

(Định hướng và các giải pháp)

- 3.1. Quan điểm định hướng phát triển.
- 3.2. Mục tiêu phát triển (bao gồm các mục tiêu định lượng cụ thể, trong thời gian đủ dài – 3 đến 5 năm tới).
- 3.3. Các giải pháp thực hiện (phải cụ thể và đồng bộ, chú ý các biện pháp phải có sự phân công thực hiện rõ ràng để đảm bảo tính khả thi)...

11

11

Kết luận

- Kết luận:
Dạng đóng (tóm lược kết quả nghiên cứu, giá trị ứng dụng); hoặc dạng mở (có gợi ý hướng nghiên cứu tiếp theo).
- Kiến nghị:
Nêu kiến nghị (nếu cần) với đơn vị quản lý địa phương và/hoặc nhà nước, yêu cầu hỗ trợ thêm những gì để đảm bảo cho tính khả thi của các giải pháp cao hơn?

12

12

Lịch trình thực hiện chuyên đề

| Thời gian | Nội dung công việc |
|--------------|---|
| Tuần 1 | Gặp GVHD thông qua đề cương sơ bộ. |
| Tuần 2 | Sưu tầm tư liệu và tìm hiểu thực trạng. |
| Tuần 3 | Soạn thảo đề cương chi tiết. |
| Tuần 4 | Trình GVHD phê duyệt đề cương chi tiết. |
| Tuần 5 - 9 | Tiến hành nghiên cứu và viết bản thảo. |
| Tuần 9 - 10 | Gửi bản thảo cho GVHD nhận xét, góp ý. |
| Tuần 11 - 12 | Hoàn thiện chuyên đề, xin nhận xét của cơ quan thực tập, nộp về khoa. |

13

13

Hướng dẫn chi tiết

- Lựa chọn thực tập tại cơ quan nhà nước:
 - Ủy ban nhân dân cấp xã/phường.
 - Các cơ quan, ban ngành thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện/quận.
 - Các cơ quan, ban ngành thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành.
 - Ngoài ra, cũng có thể lựa chọn thực tập tại các hiệp hội ngành hàng hoặc các cơ quan phi chính phủ có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.

14

14

Hướng dẫn chi tiết

- Lựa chọn thực tập tại các doanh nghiệp:
 - Doanh nghiệp nội địa hoặc đầu tư nước ngoài, có qui mô lớn, vừa và nhỏ thuộc mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều được.
 - Nhưng phải là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân độc lập.
 - Nếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ thì yêu cầu phải có lịch sử phát triển trên 3 năm để đảm bảo đủ cơ sở dữ liệu phân tích thực trạng.

15

15

Hướng dẫn chi tiết

- ❑ Trường hợp thực tập tại các chi nhánh công ty hoặc phòng giao dịch ngân hàng:
 - Phải xác định đề tài nghiên cứu trên toàn công ty hoặc ngân hàng mẹ (có tư cách pháp nhân độc lập) và nêu rõ trường hợp nghiên cứu tại chi nhánh công ty hoặc phòng giao dịch cụ thể.
 - Phân tích thực trạng thông qua cơ sở dữ liệu tại chi nhánh công ty hoặc phòng giao dịch. Nhưng đề xuất giải pháp phải dựa trên tư cách pháp nhân của công ty hoặc ngân hàng mẹ.

16

16

Hướng dẫn chi tiết

- ❑ Thái độ ứng xử với cơ quan thực tập:
 - Tuân thủ nội quy cơ quan như là một nhân viên chứ không phải là người khách.
 - Ứng xử hòa nhã, khéo léo để có sự đồng cảm và giúp đỡ của đối tác tại cơ quan. Nhưng không để họ can thiệp vào vấn đề học thuật của việc chọn đề tài.
 - Tìm hiểu khả năng khai thác cơ sở dữ liệu của tổ chức, doanh nghiệp ngay trong 1 – 2 tuần lễ đầu kỳ. Nếu thấy không thuận lợi thì phải sớm quyết định tìm nơi thực tập khác.

17

17

Hướng dẫn chi tiết

- ❑ Thu thập thông tin thứ cấp:
 - Dựa theo đề cương chi tiết, xác định rõ nhu cầu thông tin thứ cấp phục vụ phân tích thực trạng, lập sẵn các bảng mẫu thống kê tương ứng.
 - Trình bằng mẫu thống kê cho người đối tác ở cơ quan thực tập để mượn tài liệu gốc nghiên cứu thu thập thông tin tại chỗ (chứ không hỏi mượn về nhà).
 - Đối với thông tin thứ cấp bên ngoài đơn vị thì truy cập ngoài giờ làm việc ở cơ quan thực tập.

18

18

Hướng dẫn chi tiết

☐ Thu thập thông tin sơ cấp:

- Dựa theo đề cương chi tiết, xác định rõ nhu cầu thông tin sơ cấp (liên quan đến đánh giá thực trạng và quan điểm phát triển trong tương lai của đơn vị).
- Nếu cơ quan, doanh nghiệp đã có sẵn kết quả điều tra thị trường, thăm dò khách hàng... còn giá trị thời sự thì xin phép được sử dụng.
- Muốn phỏng vấn chuyên gia của cơ quan, doanh nghiệp thì phải xác định rõ đối tượng cần trao đổi, lập bảng câu hỏi gửi cho họ trước khi thực hiện.

19

19

Hướng dẫn chi tiết

☐ Xử lý nâng cao chất lượng thông tin:

- Sàng lọc để đảm bảo tính thời sự của thông tin đưa vào phân tích.
- Không sử dụng các bản tin thị trường ngắn hạn.
- Ước tính để làm tròn số liệu phân tích theo năm.
- Nghiêm cấm áp dụng thủ thuật dịch chuyển năm cho các chuỗi số liệu có sẵn trên các công trình nghiên cứu tương tự từ những năm trước (thực chất đã lạc hậu) cho nghiên cứu hiện tại.

20

20

Hướng dẫn chi tiết

☐ Xử lý thông tin để phân tích thực trạng:

- Đảm bảo chuỗi thời gian phân tích đủ dài (từ 3 năm trở lên).
- Căn cứ cơ sở lý thuyết để xác định các tiêu chí phân tích thực trạng phù hợp.
- Nhất thiết phải phân tích các chỉ tiêu định lượng đầy đủ bằng cơ sở dữ liệu của cơ quan, doanh nghiệp được nghiên cứu chứ không lấy thông tin bên ngoài để thay thế.

21

21

Hướng dẫn chi tiết

❑ Xử lý thông tin để đề xuất mục tiêu:

- Dự báo động thái phát triển của các đối tượng có liên quan đến chủ thể được nghiên cứu.
- So sánh với kết quả đã đạt được trong thực trạng để đề xuất mục tiêu tăng trưởng có tính chất trung bình tiên tiến.
- Đảm bảo thời kỳ chiến lược của các mục tiêu đủ dài và hợp lý (tương thích với chuỗi thời gian phân tích thực trạng, từ 3 năm trở lên).

22

22

Hướng dẫn chi tiết

❑ Tầm quan trọng của phần mở đầu.

- Khi soạn thảo đề cương chi tiết phải viết đầy đủ phần mở đầu để GVHD đánh giá cách tiếp cận nghiên cứu và bố cục các chương của chuyên đề đã hợp lý hay chưa?
- Về lý do chọn đề tài, tránh nói dài dòng mà phải xuất phát từ tình hình nội tại của chủ thể được nghiên cứu (đã phát triển tốt như thế nào? nhưng còn khó khăn, bất cập gì cần phải cải tiến?) để nêu lý do chọn đề tài cho có sức thuyết phục cao.

23

23

Hướng dẫn chi tiết

❑ Tầm quan trọng của phần mở đầu.

- Từ lý do chọn đề tài đã xác định, đi thẳng vào trình bày các mục tiêu nghiên cứu cụ thể (thông thường nên xác định 3 mục tiêu nghiên cứu sẽ được giải quyết tương ứng trong 3 chương của chuyên đề).
- Về phương pháp nghiên cứu, tập trung vào các phương pháp thu thập thông tin (thứ cấp, sơ cấp), phương pháp xử lý và công cụ xử lý thông tin.
- Lưu ý, không tùy tiện liệt kê vào những thứ không phải là phương pháp nghiên cứu.

24

24

Hướng dẫn chi tiết

□ Tầm quan trọng của phần mở đầu.

- Về đối tượng nghiên cứu, phải căn cứ vào mục tiêu cơ bản của đề tài để xác định cho phù hợp, tránh ngộ nhận chủ thể được nghiên cứu (hay đối tượng khảo sát) là đối tượng nghiên cứu.
- Về phạm vi nghiên cứu, phải làm rõ phạm vi không gian (của hoạt động kinh tế - xã hội được khảo sát) và phạm vi thời gian (chuỗi thời gian phân tích thực trạng và thời kỳ của các mục tiêu), tránh nhầm lẫn coi bố cục nội dung đề tài là phạm vi nghiên cứu.

25

25

Hướng dẫn chi tiết

□ Tầm quan trọng của phần mở đầu.

- Cuối phần mở đầu phải liệt kê rõ tiêu đề 3 chương của chuyên đề để người đọc tiện theo dõi và cũng để khẳng định logic trình bày chuyên đề là hợp lý.
- Trên cơ sở đó, tiêu đề của các chương bên trong chuyên đề phải được ghi chính xác như đã khẳng định ở cuối phần mở đầu, tránh tình trạng rời rạc ghi tiêu đề chương không nhất quán nhau giữa các phần khác nhau của chuyên đề.

26

26

Hướng dẫn chi tiết

□ Xây dựng cơ sở khoa học của đề tài.

- Căn cứ vào mục tiêu nghiên cứu cơ bản của đề tài để lựa chọn cơ sở lý thuyết cho phù hợp, như:
Cơ sở lý thuyết về xóa đói giảm nghèo bền vững;
Cơ sở lý thuyết về nâng cao năng lực cạnh tranh (của cấp doanh nghiệp, hay của cấp địa phương);
Cơ sở lý thuyết về đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài;
Cơ sở lý thuyết về đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp...

27

27

Hướng dẫn chi tiết

❑ Xây dựng cơ sở khoa học của đề tài.

- Đồng thời, cá biệt hóa khung lý thuyết cho sát với điều kiện và bối cảnh nghiên cứu của đề tài, như:

Xóa đói giảm nghèo ở thành thị, nông thôn, hay miền núi;

Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ, xây dựng, xuất nhập khẩu (với sản phẩm cụ thể);

Thu hút đầu tư vào khu công nghiệp hay địa bàn cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Đẩy mạnh xuất khẩu (sản phẩm cụ thể) vào thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, ASEAN, Trung Quốc...

28

28

Hướng dẫn chi tiết

❑ Xây dựng cơ sở khoa học của đề tài.

- Lưu ý quan trọng khi trình bày cơ sở lý thuyết:

Khung lý thuyết cần vừa đủ để làm cơ sở phân tích thực trạng, diễn giải ngắn gọn, súc tích, tránh dài dòng không cần thiết. Trong này, chưa đề cập đến đối tượng khảo sát của đề tài.

Có trường hợp xây dựng cơ sở lý thuyết không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu cơ bản của đề tài;

Có trường hợp không biết lựa chọn cơ sở lý thuyết nên chỉ trình bày tổng quan về tình hình phát triển của một chính thể hay hiện tượng có liên quan đến đối tượng khảo sát nhưng không có giá trị làm căn cứ phân tích thực trạng.

29

29

Hướng dẫn chi tiết

❑ Xây dựng cơ sở khoa học của đề tài.

- Lựa chọn cơ sở thực tiễn cũng phải đảm bảo sát với điều kiện và bối cảnh nghiên cứu của đề tài để tác giả vận dụng khi giải quyết các vấn đề tương ứng trong nghiên cứu của mình, như:

Cơ hội và thách thức trong quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế;

Điều kiện đưa hàng hóa xâm nhập thị trường mục tiêu cụ thể;

Bài học kinh nghiệm để giải quyết vấn đề tương ứng với mục tiêu nghiên cứu cơ bản của đề tài (cần chú trọng cả về kinh nghiệm thành công lẫn kinh nghiệm thất bại).

30

30

Hướng dẫn chi tiết

☐ Xây dựng cơ sở khoa học của đề tài.

- Lưu ý quan trọng khi trình bày cơ sở thực tiễn:

Làm rõ điều kiện của các quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế trước khi trình bày cơ hội và thách thức;

Làm rõ các đặc điểm của thị trường mục tiêu trước khi trình bày các điều kiện đưa hàng hóa xâm nhập thị trường đó;

Lựa chọn bài học kinh nghiệm phải đúng với trường hợp áp dụng cho đề tài, tránh tình trạng nêu qua loa bài học kinh nghiệm không thuộc lĩnh vực của đối tượng nghiên cứu, không đúng cấp độ và qui mô của đối tượng khảo sát.

31

31

Hướng dẫn chi tiết

☐ Phân tích và đánh giá thực trạng.

- Trước hết, phải giới thiệu chủ thể được nghiên cứu (hay đối tượng khảo sát):

Thông tin chung: tên và địa chỉ liên hệ, loại hình tổ chức, chức năng hoạt động, quá trình hình thành và phát triển (của doanh nghiệp) hoặc các điều kiện kinh tế - xã hội (của địa phương);

Qui mô (vốn, lao động) và cấu trúc bộ máy tổ chức;

Tình hình phát triển kinh doanh (của doanh nghiệp) hoặc phát triển kinh tế - xã hội (của địa phương), bao gồm kết quả thống kê cụ thể tương ứng với chuỗi thời gian phân tích thực trạng.

32

32

Hướng dẫn chi tiết

☐ Phân tích và đánh giá thực trạng.

- Phân tích các chỉ tiêu đánh giá thực trạng, như:

Các chỉ tiêu đánh giá kết quả xóa đói giảm nghèo;

Các chỉ tiêu đánh giá kết quả thu hút đầu tư;

Các chỉ tiêu đánh giá năng lực cạnh tranh;

Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động xuất nhập khẩu...

Lưu ý, phải dựa vào kết quả thống kê tình hình phát triển kinh doanh hay phát triển kinh tế - xã hội (nói trên) để phân tích các chỉ tiêu định lượng cho sát với điều kiện của chủ thể được nghiên cứu, rồi nhận xét về những mặt được và chưa được.

33

33

Hướng dẫn chi tiết

☐ Phân tích và đánh giá thực trạng.

- Phân tích tác động của các yếu tố ảnh hưởng:

Ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài (thuộc môi trường vĩ mô, môi trường vi mô);

Ảnh hưởng của các yếu tố bên trong (doanh nghiệp hay chính thể kinh tế - xã hội địa phương)...

Lưu ý, nội dung phân tích các tác động, nhận xét về những mặt được và chưa được phải sát với điều kiện của chủ thể được nghiên cứu. Đồng thời, có chứng minh bằng các yếu tố định lượng cần thiết chứ không nói chung chung như lý thuyết.

34

34

Hướng dẫn chi tiết

☐ Phân tích và đánh giá thực trạng.

- Đánh giá chung thực trạng:

Đúc kết từ những nội dung phân tích ở trên để rút ra những điểm mạnh, điểm yếu (và nguyên nhân hạn chế);

Nội dung đánh giá phải ngắn gọn, súc tích và sắc sảo (để làm cơ sở đề xuất các giải pháp trên căn bản phát huy các điểm mạnh, khắc phục các điểm yếu) chứ không nói chung chung.

Lưu ý, về nguyên tắc phải có phân tích thực trạng ở trên mới rút ra nội dung đánh giá tương ứng. Không tùy tiện đưa thêm vào những ý kiến đánh giá mang tính chủ quan của tác giả nhưng không có liên quan với kết quả phân tích thực trạng.

35

35

Hướng dẫn chi tiết

☐ Phân tích và đánh giá thực trạng.

- Lưu ý quan trọng khi phân tích, đánh giá thực trạng:

Kết quả phân tích thực trạng và ý kiến đánh giá chung thực trạng có quan hệ nhân - quả chứ không phải quan hệ bổ sung.

Tác giả có thể tham khảo và trích dẫn từ những công trình nghiên cứu trước để nhận định và biện luận cho kết quả nghiên cứu của mình, nhưng phải đảm bảo tính trung thực trong hoạt động nghiên cứu để tránh bị coi là đạo văn.

Nội dung trình bày kết quả phân tích, đánh giá thực trạng phải đảm bảo có sự khác biệt mang tính mới (so với các nghiên cứu trước) và phù hợp với bối cảnh nghiên cứu của đề tài.

36

36

Hướng dẫn chi tiết

☐ Đề xuất hệ thống giải pháp.

- Về nguyên tắc, hệ thống giải pháp được vạch ra là để thực hiện nhằm đạt đến các mục tiêu tăng trưởng nhất định trong khuôn khổ quan điểm phát triển của tổ chức, doanh nghiệp.
- Do đó, trước khi đề xuất giải pháp phải làm rõ quan điểm phát triển và các mục tiêu tăng trưởng của tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với các điều kiện của môi trường kinh tế - xã hội và thực trạng của đơn vị.

37

37

Hướng dẫn chi tiết

☐ Đề xuất hệ thống giải pháp.

- Quan điểm phát triển:
Về bản chất là định hướng phát triển dài hạn mang tính chất của mục tiêu định tính;
Phần lớn các doanh nghiệp có áp dụng công cụ quản trị chiến lược đều xây dựng bản tuyên bố sứ mệnh và tầm nhìn, tác giả có thể dựa vào đây để trình bày quan điểm phát triển;
Nếu tổ chức, doanh nghiệp chưa có bản tuyên bố sứ mệnh và tầm nhìn thì tác giả cần thực hiện phỏng vấn chuyên gia với cán bộ quản lý cấp cao của đơn vị để xây dựng quan điểm phát triển cho phù hợp.

38

38

Hướng dẫn chi tiết

☐ Đề xuất hệ thống giải pháp.

- Mục tiêu tăng trưởng:
Căn cứ vào đối tượng nghiên cứu của đề tài để xác định mục tiêu tăng trưởng chính, chẳng hạn: mức giảm nghèo của địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh hay đẩy mạnh xuất khẩu của doanh nghiệp...;
- Mục tiêu tăng trưởng nhất thiết phải được thể hiện bằng các chỉ tiêu định lượng (trình bày bằng bảng thống kê hoặc biểu đồ qua từng năm của thời kỳ chiến lược cụ thể) chứ không nói suông như lý thuyết;

39

39

Hướng dẫn chi tiết

☐ Đề xuất hệ thống giải pháp.

▪ Mục tiêu tăng trưởng:

Nếu đối tượng nghiên cứu hẹp, thì phải trình bày mục tiêu tăng trưởng chung của tổ chức, doanh nghiệp trước làm cơ sở cho mục tiêu tăng trưởng của đối tượng nghiên cứu. Chẳng hạn:

Làm rõ mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương trước khi trình bày mục tiêu giảm nghèo; hay

Làm rõ mục tiêu tăng trưởng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trước khi trình bày mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh.

Và phải đảm bảo thời kỳ chiến lược của hai cấp mục tiêu tăng trưởng nói trên đồng bộ với nhau.

40

40

Hướng dẫn chi tiết

☐ Đề xuất hệ thống giải pháp.

▪ Xây dựng hệ thống giải pháp:

Cần cứ vào kết quả đánh giá chung thực trạng (điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân hạn chế) để xác định cần xây dựng bao nhiêu giải pháp? Đó là những giải pháp gì? nhằm đảm bảo sự đầy đủ và đồng bộ của hệ thống giải pháp;

Cần cứ vào các mục tiêu tăng trưởng để chi tiết hóa các giải pháp một cách cụ thể (biện pháp gì, làm như thế nào, kinh phí, nguồn vốn, thời hạn và phân công thực hiện?...) để đảm bảo tính khả thi nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng.

41

41

Hướng dẫn chi tiết

☐ Đề xuất hệ thống giải pháp.

▪ Lưu ý quan trọng khi xây dựng hệ thống giải pháp:

Để đảm bảo giá trị ứng dụng của kết quả nghiên cứu, nội dung trình bày các giải pháp phải đi sát với điều kiện cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp (chủ thể được nghiên cứu) chứ không nói chung chung như lý thuyết;

Đồng thời, phải đảm bảo tính khách quan của hệ thống giải pháp trên cơ sở gắn liền với kết quả nghiên cứu chứ không chỉ gạch đầu dòng nêu đại khái những công việc mà tổ chức, doanh nghiệp cần làm theo mong muốn chủ quan của tác giả.

42

42

Hướng dẫn chi tiết

☐ Phân biệt giải pháp với kiến nghị.

- Giải pháp bao gồm những biện pháp thuộc quyền chủ động thực hiện (với sự đảm bảo bằng các điều kiện vật chất - kỹ thuật) của tổ chức, doanh nghiệp.
- Khi thực hiện các giải pháp nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng, đơn vị có thể gặp trở ngại do một vài qui định bất cập trong hệ thống chính sách có liên quan mà thẩm quyền xử lý thuộc các cơ quan chính sách nhà nước, thì kiến nghị đề cơ quan thẩm quyền sửa đổi nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp.

43

43

Hướng dẫn chi tiết

☐ Phân biệt giải pháp với kiến nghị.

- Tác giả không nên đứng từ góc độ khách thể để kiến nghị với tổ chức, doanh nghiệp (chủ thể được nghiên cứu) những công việc mà thực chất là giải pháp thuộc quyền chủ động thực hiện của chủ thể.
- Khi kiến nghị thì phải hết sức cụ thể: qui định gì, tại văn bản pháp luật nào, có bất cập gây trở ngại cho tổ chức, doanh nghiệp ra sao, kiến nghị với cơ quan nào, sửa đổi lại như thế nào? chứ không nên kiến nghị (hoàn thiện hành lang pháp lý...) chung chung.

44

44

Hướng dẫn chi tiết

☐ Kết luận.

- Với đề tài nghiên cứu định tính (theo phương pháp luận qui nạp) nên áp dụng kết luận dạng đóng (tóm lược kết quả nghiên cứu chính và nêu kỳ vọng về giá trị ứng dụng của chúng).
- Tránh tình trạng kết luận một cách qua loa đại khái, không tương xứng với kết quả nghiên cứu.
- Lưu ý, không được đưa lời mời góp ý cho chuyên đề hoặc lời cảm ơn của tác giả đối với GVHD và các đối tác ở cơ quan thực tập vào trong kết luận.

45

45

Hướng dẫn chi tiết

□ Hành văn.

- Một số nguyên tắc hành văn của báo cáo khoa học:

Không dài dòng. Sử dụng từ ngữ trong sáng, ngắn gọn, súc tích để làm nổi bật các kết quả nghiên cứu;

Tránh nhận định chủ quan. Chú trọng phê phán học thuật, bình luận, biện luận cho kết quả nghiên cứu một cách khách quan;

Đảm bảo logic chặt chẽ giữa các phần khác nhau của báo cáo;

Không sử dụng nguồn thông tin thiếu kiểm chứng khoa học.

Tác giả không xưng EM trong báo cáo, mà phải sử dụng đại từ nhân xưng đúng cách (TÔI hoặc CHÚNG TÔI) tùy ngữ cảnh.

46

46

Hướng dẫn chi tiết

□ Hành văn.

- Logic hệ thống của chuyên đề:

Mục tiêu nghiên cứu cơ bản là cơ sở để xây dựng khung cơ sở khoa học (bao gồm cơ sở lý thuyết và cơ sở thực tiễn);

Cơ sở khoa học là căn cứ để phân tích, đánh giá thực trạng;

Kết quả phân tích, đánh giá thực trạng là cơ sở để vạch ra mục tiêu định hướng phát triển và đề xuất hệ thống giải pháp;

Toàn bộ kết quả nghiên cứu (về cơ sở khoa học, phân tích đánh giá thực trạng, định hướng phát triển và hệ thống giải pháp) phải đáp ứng được các mục tiêu nghiên cứu cụ thể.

47

47

Hướng dẫn chi tiết

□ Hành văn.

- Yêu cầu đảm bảo tốt logic hệ thống của chuyên đề:

Không phân tích, đánh giá thực trạng ngoài những vấn đề đã nêu trong khung lý thuyết. Nếu thực tế phát sinh thêm vấn đề mới ngoài khung lý thuyết thì phải bổ sung cơ sở lý thuyết;

Không đề xuất giải pháp cho những vấn đề chưa được phân tích, đánh giá trong thực trạng. Nếu thực tế phát sinh thêm giải pháp cần thiết ngoài những vấn đề đã nghiên cứu trong thực trạng thì phải bổ sung vấn đề đó từ cơ sở lý thuyết và phân tích, đánh giá thực trạng để có kết quả nghiên cứu khách quan làm căn cứ cho việc đề xuất thêm giải pháp.

48

48

Hướng dẫn chi tiết

□ Hình thức trình bày chuyên đề:

- Các bảng, biểu đồ phải được đánh số, đặt tên, ghi chú nguồn trích dẫn thông tin đúng qui định.
- Tránh trùng lặp, cùng một nội dung mà vừa trình bày bằng số liệu vừa trình bày bằng biểu đồ.
- Độ dài của chuyên đề theo qui định là 50 trang (có thể linh hoạt đến 60 trang). Trong đó, cần chú trọng đảm bảo cân đối về độ dài giữa 3 chương, tránh tình trạng chương 3 thể hiện tính sáng tạo quan trọng nhất mà chỉ viết đại khái có vài trang.

49

49

Hướng dẫn chi tiết

□ Hình thức trình bày chuyên đề:

- Số trang chính thức của chuyên đề tính từ phần mở đầu (đánh số 1) đến hết phần kết luận.
- Những bộ phận khác đánh số theo hệ thống khác chữ không đánh số lường tưởng.
- Không nên lạm dụng hình ảnh minh họa quá nhiều. Các tư liệu, bảng câu hỏi điều tra, bảng thống kê gốc, những hình ảnh cần thiết... đưa ra phụ lục để không làm nặng nề phần nội dung chính.

50

50

Hướng dẫn chi tiết

□ Hình thức trình bày chuyên đề:

- Đánh số các đề mục bằng chữ số Ả Rập theo dạng cây mục tiêu (đến 3 cấp) như minh họa sau đây:

Chương 1:... (Đề mục cấp 1)

1.1... (Đề mục cấp 2)

1.1.1... (Đề mục cấp 3)

Sau cấp 3 mà còn phân nhánh tiếp thì sử dụng dấu hoa thị đầu dòng, hoặc là ghi a, b, c...

Lưu ý, đảm bảo trong toàn văn chuyên đề không có những mục đánh số trùng nhau.

51

51

Hướng dẫn chi tiết

❑ Đặc biệt nhấn mạnh:

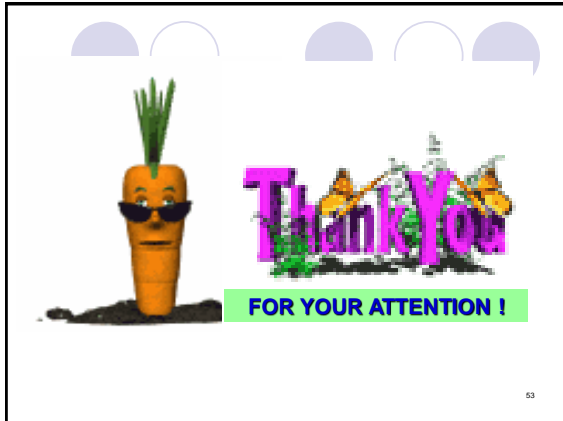
(1) Sinh viên phải đảm bảo tốt thái độ chuyên cần trong quá trình thực tập, không được để đến deadline mới gửi đề cương hoặc bản thảo cho GVHD.

(2) Sinh viên cũng phải đảm bảo tốt về tính trung thực trong nghiên cứu khoa học, nghiêm cấm việc đạo văn, nếu ai bị phát hiện có vi phạm thì sẽ bị đánh rớt.

(3) Chuyên đề phải có nhận xét và đóng dấu xác nhận của đơn vị thực tập mới được coi là hoàn chỉnh.

52

52



53

53
